

Số: **487** /QĐ-UBND

Hải An, ngày **09** tháng 03 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An (lần 2).**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN**

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN số 01:2019/BXD ban hành theo Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 25/07/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Hải An đến năm 2025 và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Hải An đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 7290/UBND-XD1 ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân Hải Phòng về việc điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An.

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 và ban hành Quy định quản lý quy hoạch khu nhà ở tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2.

Căn cứ Công văn số 830/SXD-QHKT ngày 02/3/2021 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến về Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An.

Căn cứ Biên bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải vào ngày 26/02/2021.

Căn cứ Công văn số 15<sup>a</sup>/QLDA ngày 03/03/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ngô Quyền về việc giải trình làm rõ nội dung điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An.

Xét kết quả thẩm định và đề nghị của phòng Quản lý đô thị quận Hải An tại Tờ trình số 05/TTr-QLĐT ngày 29/01/2021.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 (lần 2) với nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2.

### **2. Vị trí, phạm vi ranh giới:**

+ Một phần được quy hoạch Đất nhóm nhà (đất ở, giao thông nội bộ, sân chơi, nhà trẻ, nhà văn hóa); ký hiệu ĐO (36-3) trong ô phố A36

+ Một phần được quy hoạch Đất công cộng cấp đơn vị ở (Y tế, giáo dục, cơ quan, thương mại dịch vụ); ký hiệu CCO (36-10) trong ô phố A36.

+ Một phần được quy hoạch Đất cây xanh cấp đơn vị ở; ký hiệu CXO (36-7) trong ô phố A36.

- Phạm vi ranh giới hiện trạng:

+ Phía Đông giáp: Tuyến đường quy hoạch, và dân cư hiện trạng;

+ Phía Tây giáp: tuyến đường điện 110kV;

+ Phía Nam giáp: khu dân cư hiện trạng;

+ Phía Bắc giáp: giáp khu tái định cư các dự án của quận Hải An.

- Địa giới hành chính: phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

### **3. Quy mô, diện tích khu vực lập quy hoạch**

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch điều chỉnh giảm từ: 31.056,46 m<sup>2</sup> xuống 30.256,46 m<sup>2</sup>.

- Quy mô dân số khu vực nghiên cứu quy hoạch khoảng 672 người.

### **4. Nội dung lập quy hoạch**

#### **4.1. Quy hoạch sử dụng đất**

**BẢNG SO SÁNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH**

Theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND quận			Điều chỉnh kỳ này			Chênh lệch (m <sup>2</sup> )
STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
I	Đất ở tái định cư	10.197,55	I	Đất ở tái định cư	10.197,55	0
II	Đất cây xanh - TDTT	2.543,71	II	Đất cây xanh - TDTT	2.543,71	0
III	Đất công cộng - nhà trẻ	3.118,50	III	Đất công cộng - nhà trẻ	3.108,60	-9,9
IV	Đất giao thông	15.196,70	V	Đất giao thông	14.406,60	- 790,1
Tổng		31.056,46	Tổng		30.256,46	- 800

**BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**

STT	KÝ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)
1	C	ĐẤT CÔNG CỘNG - NHÀ TRẺ	3.108,60	10,27
2	L	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	10.197,55	33,70
3	X	ĐẤT CÂY XANH - TDTT	2.543,71	8,41
4		ĐẤT GIAO THÔNG	14.406,60	47,61
<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>			<b>30.256,46</b>	<b>100,00</b>

**BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT**

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)
1	GT	ĐẤT GIAO THÔNG	14.406,60		
2	C	ĐẤT CÔNG CỘNG – NHÀ TRẺ	3.108,60	40	2
3	X	ĐẤT CÂY XANH - TDTT	2.543,71	05	1
	X1		270,00		

	X2		2273,71		
4	L	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	<b>10.197,55</b>		
4.1	L1	Đất ở liền kề (tái định cư)	3.429,14		
	1		59,77	100	5
	2 đến 12		60,00	100	5
	13 đến 15		67,50	100	5
	16 đến 29		60,00	100	5
	30		70,50	100	5
	31		67,00	100	5
	32 đến 56		58,50	100	5
	57		67,07	100	5
4.2	L2	Đất ở liền kề (tái định cư)	3.483,34		
	58		75,05	100	5
	59 đến 64		54,00	100	5
	65 đến 67		60,00	100	5
	68 đến 69		54,00	100	5
	70 đến 72		60,00	100	5
	73 đến 74		54,00	100	5
	75 đến 78		60,00	100	5
	79 đến 81		66,00	100	5
	82		73,50	100	5
	83		75,50	100	5
	84 đến 112		64,00	100	5
	113		65,29	100	5
4.3	L3	Đất ở liền kề (tái định cư)	1.684,07		

	114		77,70	100	5
	115		67,50	100	5
	116 đến 125		60,75	100	5
	126		54,00	100	5
	127 đến 140		58,00	100	5
	141		65,37	100	5
4.4	L4	Đất ở liền kề (tái định cư)	1.601,00		
	142 đến 144		60,75	100	5
	145 đến 147		54,00	100	5
	148 đến 153		60,75	100	5
	154		63,00	100	5
	155		75,22	100	5
	156 đến 168		58,00	100	5
		<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>	<b>30.256,46</b>		

#### 4.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Điều chỉnh giảm một số nội dung theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 7290/UBND-XD1 ngày 18/11/2020 về việc điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An (các nội dung còn lại về hạ tầng kỹ thuật giữ nguyên theo quy hoạch cũ đã được phê duyệt), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh khu vực tuyến giao thông số 7 ra khỏi dự án: Giảm 65,84m chiều dài, ngang 12m trên tuyến đường số 7.

- Điều chỉnh giảm hệ thống thoát nước mưa: Điều chỉnh giảm 66m chiều dài xây dựng tuyến thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép D400-D600 trên tuyến đường quy hoạch tuyến số 7.

- Điều chỉnh diện tích lô C (đất công cộng – nhà trẻ), phần tiếp giáp với vỉa hè tuyến đường số 7. Diện tích từ 3.118,5m<sup>2</sup> xuống còn 3.108,60m<sup>2</sup>.

- Điều chỉnh giảm hệ thống điện chiếu sáng: Điều chỉnh giảm hệ thống điện chiếu sáng từ 63 cột đèn cao áp, cấp điện bằng cáp ngầm xuống 55 cột đèn cao áp, cấp điện bằng cáp ngầm.

- Không thực hiện điều chỉnh giảm khoảng 140m chiều dài xây dựng tuyến đường số 9 có mặt cắt ngang 18m (lòng đường 15m; hè đường 3m) bởi nội dung này đã được Ủy ban nhân dân quận Hải An phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định

số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2.

**Điều 3.** Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận Hải An.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ngô Quyền và đơn vị Tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 được phê duyệt kèm theo Quyết định này.

- Phòng Quản lý đô thị và đơn vị Tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác, sự phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 được phê duyệt kèm theo Quyết định này.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ngô Quyền và Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, cùng các cơ quan, đơn vị liên quan công bố công khai Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 theo quy định.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Hải An tiến hành lập đồ án quy hoạch cắm mốc giới, trình duyệt đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Khi có nhu cầu điều chỉnh quy hoạch, đơn vị lập quy hoạch phải có trách nhiệm báo cáo các cấp có thẩm quyền để xem xét giải quyết theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Hải An, trưởng các phòng ban: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính - Kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ngô Quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải và Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- TT QU, TT HĐND quận;
- CT, các PCT UBND quận;
- Sở XD (để p/hợp);
- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Công Hân**

Hải An, ngày 09 tháng 03 năm 2021

## **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ**

**Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 09/03/2021 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện

1. Quy định này quy định việc quản lý xây dựng, sử dụng các công trình theo đúng nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 được Ủy ban nhân dân quận Hải An phê duyệt tại Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 09/03/2021.

2. Ngoài những quy định nêu trong Quy định này, việc quản lý xây dựng trong phạm vi đồ án còn phải tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

3. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi Quy định này phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Trưởng phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải và Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Ngô Quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc quản lý xây dựng tại khu vực theo đúng đồ án quy hoạch được duyệt và quy định pháp luật.

**Điều 2.** Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích khu vực điều chỉnh quy hoạch

+ Một phần được quy hoạch Đất nhóm nhà (đất ở, giao thông nội bộ, sân chơi, nhà trẻ, nhà văn hóa); ký hiệu ĐO (36-3) trong ô phố A36.

+ Một phần được quy hoạch Đất công cộng cấp đơn vị ở (Y tế, giáo dục, cơ quan, thương mại dịch vụ); ký hiệu CCO (36-10) trong ô phố A36.

+ Một phần được quy hoạch Đất cây xanh cấp đơn vị ở; ký hiệu CXO (36-7) trong ô phố A36.

- Phạm vi ranh giới hiện trạng:

+ Phía Đông giáp: Tuyến đường quy hoạch, và dân cư hiện trạng;

- + Phía Tây giáp: tuyến đường điện 110kV;
- + Phía Nam giáp: khu dân cư hiện trạng;
- + Phía Bắc giáp: giáp khu tái định cư các dự án của quận Hải An.
- Địa giới hành chính: phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**Điều 3.** Diện tích khu vực quy hoạch điều chỉnh

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch điều chỉnh giảm từ: 31.056,46 m<sup>2</sup> xuống 30.256,46 m<sup>2</sup>.

- Quy mô dân số khu vực nghiên cứu quy hoạch khoảng 672 người.

**Điều 4.** Quy định về sử dụng đất

**BẢNG SO SÁNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH**

Theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND quận			Điều chỉnh kỳ này			Chênh lệch (m <sup>2</sup> )
STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
I	Đất ở tái định cư	10.197,55	I	Đất ở tái định cư	10.197,55	0
II	Đất cây xanh - TĐTT	2.543,71	II	Đất cây xanh - TĐTT	2.543,71	0
III	Đất công cộng - nhà trẻ	3.118,50	III	Đất công cộng - nhà trẻ	3.108,60	-9,9
IV	Đất giao thông	15.196,70	V	Đất giao thông	14.406,60	- 790,1
Tổng		31.056,46	Tổng		30.256,46	- 800

**BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**

STT	KÝ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)
1	C	ĐẤT CÔNG CỘNG - NHÀ TRẺ	3.108,60	10,27
2	L	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	10.197,55	33,70
3	X	ĐẤT CÂY XANH - TĐTT	2.543,71	8,41
4		ĐẤT GIAO THÔNG	14.406,60	47,61
TỔNG DIỆN TÍCH			<b>30.256,46</b>	<b>100,00</b>

**BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT**



STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)
1	<b>GT</b>	ĐẤT GIAO THÔNG	<b>14.406,60</b>		
2	<b>C</b>	ĐẤT CÔNG CỘNG – NHÀ TRỂ	<b>3.108,60</b>	40	2
3	<b>X</b>	ĐẤT CÂY XANH - TĐTT	<b>2.543,71</b>	05	1
	X1		270,00		
	X2		2273,71		
4	<b>L</b>	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	<b>10.197,55</b>		
4.1	L1	Đất ở liền kề (tái định cư)	3.429,14		
	1		59,77	100	5
	2 đến 12		60,00	100	5
	13 đến 15		67,50	100	5
	16 đến 29		60,00	100	5
	30		70,50	100	5
	31		67,00	100	5
	32 đến 56		58,50	100	5
	57		67,07	100	5
4.2	L2	Đất ở liền kề (tái định cư)	3.483,34		
	58		75,05	100	5
	59 đến 64		54,00	100	5
	65 đến 67		60,00	100	5
	68 đến 69		54,00	100	5
	70 đến 72		60,00	100	5
	73 đến 74		54,00	100	5

	75 đến 78		60,00	100	5
	79 đến 81		66,00	100	5
	82		73,50	100	5
	83		75,50	100	5
	84 đến 112		64,00	100	5
	113		65,29	100	5
4.3	L3	Đất ở liền kề (tái định cư)	1.684,07		
	114		77,70	100	5
	115		67,50	100	5
	116 đến 125		60,75	100	5
	126		54,00	100	5
	127 đến 140		58,00	100	5
	141		65,37	100	5
4.4	L4	Đất ở liền kề (tái định cư)	1.601,00		
	142 đến 144		60,75	100	5
	145 đến 147		54,00	100	5
	148 đến 153		60,75	100	5
	154		63,00	100	5
	155		75,22	100	5
	156 đến 168		58,00	100	5
		<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>	<b>30.256,46</b>		

#### **Điều 5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

Điều chỉnh giảm một số nội dung theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 7290/UBND-XD1 ngày 18/11/2020 về việc điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An (các nội dung còn lại về hạ tầng kỹ thuật giữ nguyên theo quy hoạch cũ đã được phê duyệt), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh khu vực tuyến giao thông số 7 ra khỏi dự án: Giảm 65,84m chiều dài, ngang 12m trên tuyến đường số 7.

- Điều chỉnh giảm hệ thống thoát nước mưa: Điều chỉnh giảm 66m chiều dài xây dựng tuyến thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép D400-D600 trên tuyến đường quy hoạch tuyến số 7.

- Điều chỉnh diện tích lô C (đất công cộng – nhà trẻ), phần tiếp giáp với vỉa hè tuyến đường số 7. Diện tích từ 3.118,5m<sup>2</sup> xuống còn 3.108,60m<sup>2</sup>.

- Điều chỉnh giảm hệ thống điện chiếu sáng: Điều chỉnh giảm hệ thống điện chiếu sáng từ 63 cột đèn cao áp, cấp điện bằng cáp ngầm xuống 55 cột đèn cao áp, cấp điện bằng cáp ngầm.

- Không thực hiện điều chỉnh giảm khoảng 140m chiều dài xây dựng tuyến đường số 9 có mặt cắt ngang 18m (lòng đường 15m; hè đường 3m) bởi nội dung này đã được Ủy ban nhân dân quận Hải An phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017.

## Chương II

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung khác đều giữ nguyên theo Quy định quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận Hải An.

Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

**Điều 7.** Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Tái định cư (Điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 được phê duyệt tại Quyết định số...487.../QĐ-UBND ngày...09.../03/2020 và các quy định cụ thể của Quy định này hướng dẫn và giám sát chủ đầu tư thực hiện./ *MT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Hân